

MS. CHI ENGLISH

Name: _____

Date: .../ .../ 20...

Class: Gold A2+

Tel: 038 255 2594

GOLD EXPERIENCE A2+: UNIT 9 – WHAT'S YOUR IDEA OF FUN?

VOCABULARY 2

A. VOCABULARY

| No. | New words | Meanings | No. | New words | Meanings |
|-----|---|----------------------------------|-----|---|---|
| 1* | advert = advertisement (n) 'ædvɜ:tɪsɪmənt/ /'ædvɜ:tɪsmənt/ | quảng cáo, tờ quảng cáo | 20 | have a break /breɪk/ | nghỉ ngơi, nghỉ giải lao |
| 2 | comic con – comic convention /'kɒmɪk/ /kən'venʃn/ | hội nghị truyện tranh | 21* | offer (v) /'ɒfə(r)/ | đưa ra đề nghị, cung cấp, biểu tặng |
| 3* | autograph (n) /'ɔ:təgra:f/ | chữ ký | 22 | offer a choice /tʃɔɪs/ | đề xuất một lựa chọn |
| 4 | fantasy (n) /'fæntəsi/ | truyện thế loại kỲ ảo, hư cấu | 23 | statue (n) /'stætʃu:/ | bức/ pho tượng |
| 5 | storywriter (n) /ˈstɔ:ri,raɪtər/ | tác giả tiểu thuyết | 24* | pastime (n) /'pɑ:staim/ | trò tiêu khiển/ trò giải trí |
| 6* | film-maker (n) /'film meɪkə(r)/ | nhà sản xuất phim | 25 | give st a go (phr) = <i>try V-ing</i> | thử làm gì đó |
| 7* | superfan (n) /'su:pəfæn/ | người hâm mộ cuồng nhiệt | 26 | leave (v) /li:v/ ⇒ leave st | đi ⇒ để lại (thứ gì đó) |
| 8* | costume (n) /'kɒstʃu:m/ | trang phục | 27* | demand (n) /dɪ'ma:nd/ | nhu cầu, sự yêu cầu |
| 9* | dress up /dres/ /ʌp/ | diện quần áo đẹp | 28* | charge (v/n) /tʃa:dʒ/ | sạc pin, nạp điện/ sự nạp điện |
| 10* | hero (n) /'hɪərəʊ/ | nam anh hùng | 29 | social media (n.phr) /səʊʃl 'mi:diə/ | phương tiện truyền thông mạng xã hội |
| 11 | heroine (n) /'herəʊɪn/ | nữ anh hùng | 30 | creativity (n) /kri'eɪ'tivəti/ | tính/ óc sáng tạo |
| 12 | ideal (adj) /aɪ'dɪ:əl/ | lí tưởng | 31 | creative (adj) /kri'eɪtɪv/ | sáng tạo |

| | | | | | |
|-----|--|-------------------------|-----|---|----------------------------------|
| 13 | manage (v) /'mænɪdʒ/ | quản lí, xoay sở | 32 | take part in = participate in /pa:tɪsɪpeɪt/ | tham gia vào (cuộc thi,...) |
| 14* | virtual (adj) /'vɜ:tʃuəl/ | không thực, ảo | 33* | ordinary (adj) /'ɔ:dneri/ | bình thường |
| 15 | pitch (n) /pɪtʃ/ | sân bóng đá | 34 | accept (v) /ək'sept/ | chấp nhận |
| 16 | give up (phr.v) /gɪv/ /ʌp/ | từ bỏ | 35 | increase (n) >< decrease (n) /'ɪnkrɪ:s/ >< /'di:krɪ:s/ | sự tăng trưởng >< sự giảm sút |
| 17 | arrange (v) /ə'reɪndʒ/ | sắp xếp | 36 | increase (v) >< decrease (v) /ɪn'kri:s/ >< /dɪ'kri:s/ | tăng lên >< giảm xuống |
| 18 | arrangement (n) /ə'reɪndʒmənt/ | sự sắp đặt, sự dàn xếp | 37 | be keen on /ki:n/ | yêu thích, say mê |
| 19* | director (n) /də'rektə(r)/ | người quản lí, giám đốc | 38 | give (a) preference /'prefrəns/ | ưu ái, đối đãi tốt |

Other vocabulary

| No. | New words | Meanings | No. | New words | Meanings |
|-----|--|------------------------|-----|---|-------------------------|
| 1 | The Statue of Liberty /ðə 'stætsu: əv 'libəti/ | Tượng Nữ thần Tự do | 6 | pirate /'paɪ.rət/ | hải tặc |
| 2 | dribble (v) /'drɪбл/ | rẽ, dãn bóng | 7* | wizard (n) /'wɪzəd/ | pháp sư, phù thủy |
| 3 | furious (adj) /'fjuəriəs/ | giận dữ | 8 | graduate (n) /'graedʒuət/ | sinh viên đã tốt nghiệp |
| 4 | potion (n) /'pəʊʃn/ | thuốc độc | 9 | priest (n) /pri:st/ | linh mục |
| 5 | flatly (adv) /'flæt.li/ | thẳng thừng, dứt khoát | 10* | a secret ceremony /'serəməni/ | một nghi lễ bí mật |

***Note:** *n* = noun (danh từ); *v* = verb (động từ); *adj* = adjective (tính từ);

n.phr = noun phrase (cụm danh từ); *phr.v* = phrasal verb (cụm động từ)

Từ có ký hiệu * thì có 2 cách phát âm

Con học thuộc nghĩa của từ, chỉnh phát âm theo từ điển và chép mỗi từ 1 dòng vào vở ghi.

B. HOMEWORK

I. Fill in the blanks to complete the sentences. Use the given words in the box. There is ONE word that you DO NOT need.

| | | | |
|-------------|---------------|---------|-------------|
| autograph | advertisement | heroes | arrangement |
| storywriter | film-maker | fantasy | Statue |

0. *My grandma has always been a big fan of detective novels. She wanted to become a storywriter.*
1. During his acting career, he has played all Shakespeare's _____.
2. He signed his _____ for the little girl.
3. The _____ of Liberty was a gift of friendship from France to the United States.
4. We placed (*dặt*) _____ in a number of national newspapers.
5. My parents were busy making last-minute _____ for the wedding.
6. Amanda wrote a series of _____ novels filled with *wizards* (*pháp sư*, *phù thủy*), witches and dragons.

II. Choose the correct option.

0. *He flatly (*thẳng thừng*, *dứt khoát*) _____ to discuss the matter.*

A. refused

B. stared

C. ran out

1. Surprisingly, they _____ without a fight.

A. had a break

B. were keen on

C. gave up

2. Let's _____ when you finish the homework.

A. have a break

B. give up

C. manage

3. Martin and his best friends _____ as pirates (*hải tặc*) at Halloween.

A. suffered

B. dressed up

C. argued

4. I need to _____ my phone. The battery is low.

A. charge

B. run out

C. arrange

5. Anna has been thinking about learning to fly for many years, and she's finally decided to _____.

A. stare at it

B. give it a go

C. be keen on it

III. Word search.

| | | | | | | | | | |
|----------------|---|----------|---------|---|---|---|---|---|---|
| S | Z | H | E | R | O | I | N | E | G |
| A | D | V | E | R | T | A | V | D | E |
| W | C | D | F | M | F | U | I | D | O |
| L | L | L | Y | R | R | I | C | Z | C |
| R | C | R | E | A | T | I | V | E | A |
| M | W | P | G | A | C | Y | C | V | C |
| W | U | K | E | E | N | I | F | H | |
| S | F | A | N | T | A | S | Y | I | I |
| W | T | C | O | S | T | U | M | E | N |
| I | M | A | G | I | N | E | J | A | G |
| FANTASY | | SUPERFAN | COSTUME | | | | | | |
| HEROINE | | CREATIVE | ADVERT | | | | | | |
| GEOCACHING | | IMAGINE | | | | | | | |



IV. Rearrange the words/phrases to make meaningful sentences.

0. have/ I/ spent/ time/ using/ a lot of/ recently./ Facebook

⇒ I have spent a lot of time using Facebook recently.

1. became/ comic cons/ Kelly/ interested in/ because/ liked/ she/ action heroes.

⇒ _____.

2. the ball/ dribbled (đãn bóng)/ He/ the pitch./ to the edge of

⇒ _____.

3. will give/ The head teacher/ a preference/ of this university./ to graduates (những sinh viên đã tốt nghiệp)

⇒ _____.

4. their characters/ create/ Players/ in a virtual world./ and/ live a second life

⇒ _____.

5. enough/ Have you got/ to run/ memory available/ the program?

⇒ _____.

V. Read the story of Romeo and Juliet. Then number the pictures in the correct order.

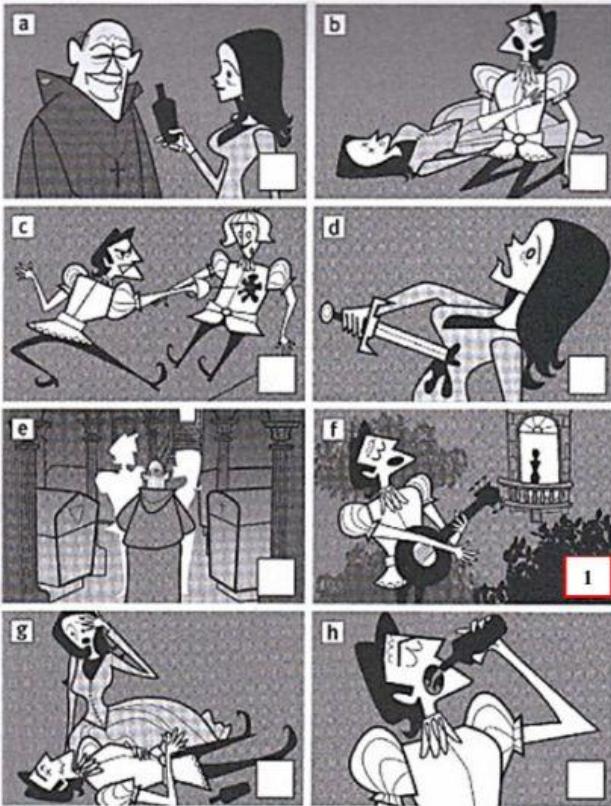
ROMEO & JULIET

Romeo and Juliet by Shakespeare is probably the most famous love story in the world. It is about a boy and a girl who meet and fall in love. Unfortunately, Romeo is a member of the Montague family and Juliet is from the Capulet family. The two families hate each other and often fight. If the parents knew about the love between Romeo and Juliet, they would be furious, so the two teenagers tell nobody. They get married at a secret ceremony and only the priest, Friar Lawrence, is there.

The fights between the two families continue and Romeo kills one of Juliet's cousins in a fight. He has to run away from Verona to another city.

Friar Lawrence wants Romeo and Juliet to be together. He gives Juliet a special potion that will make her sleep for two days. Her family will think she is dead – but in fact she will wake up, leave Verona and join Romeo.

Juliet drinks the potion and falls asleep. However, Romeo doesn't know about the Friar's plan. He thinks Juliet is dead. He is so upset that he takes poison and dies. Later, Juliet wakes up, sees that Romeo is dead, and kills herself with Romeo's knife.



Simply KET – Test 2 – Part 5

PART 5 Questions 25-30

For each question, write the correct answer. Write ONE word for each gap.

| | |
|---|---------------------|
| From: | Mr Alston |
| To: | Students in class A |
| To all students in Class A | |
| Would you (0)..... like to join my other class on a camping trip (25)..... the weekend? | |
| We are planning to travel to the beach in the school bus, and we'll (26)..... at a campsite (27)..... Friday to Sunday. The campsite is next to the beach and has a restaurant; you can rent bicycles at a local shop, too. | |
| The trip costs £20. Please, come to my office during the break (28)..... you need any (29)..... information about the trip. Remember, your parents must agree that you can come. | |
| If you decide to join us, you must let (30)..... know by tomorrow. | |
| Mr. Alston – Class teacher | |